

KẾ HOẠCH TUẦN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRẺ NĂM HỌC 2025 - 2026

CHỦ ĐỀ 4: MẸ VÀ GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ

Thời gian thực hiện: 3 Tuần (Từ ngày: 01/12 – 19/12/2025)

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a. Phát triển vận động					
1	18-24 T	Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay – đưa về phía trước sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Đưa sang ngang	- Chân: dang sang 2 bên	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa sang ngang + Đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay - Bụng: + Nghiêng người sang 2 bên + Cúi về phía trước - Chân: + Ngồi xuống đứng lên + Dang sang 2 bên + Co duỗi từng chân
2	24-36T	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	- Tay: Đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang 2 bên. - Chân: Co duỗi từng chân.	
3	18-24T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên 2 tay và đi hết đoạn đường 1.8 – 2m.	- Đi trong đường hẹp		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - VĐ: + Trườn chui qua cổng (18-24T+ 24-36T) - Đi trong đường hẹp (18-24T+ 24-36T) - Bật xa bằng 2 chân (24-36T) - Ném bóng bằng 1 tay (18-24T) * Hoạt động chơi - Tc: + Bọ dừa + Trời nắng trời mưa + Bắt bướm
4	24-36T	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.		- Bật xa bằng 2 chân	
5	18-24T	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: biết đứng ném bóng.		- Ném bóng Bằng 1 tay	

7	18-24T	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Trườn chui qua cổng		
8	24-36 T	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.			
11	18-24T	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.	* Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Chơi ở các khu vực chơi.
12	24-36T	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.		- Hoạt động góc (Góc thao tác vai: Bế em, Cho em ăn, ru em ngủ, nấu ăn, chuẩn bị mâm cơm,..) + Góc vận động: Ném bóng, đóng cọc bàn gỗ, thả bi,....
13	18-24T	- Trẻ tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.	- Xếp chồng 3-4/5-6 khối vuông/trụ.	- Tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn/vuông.	*Hoạt động chơi: - HDG: + Góc hoạt động với đồ vật: Xâu vòng màu xanh đỏ, xé dải giấy... + Góc vận động: Ném bóng, đóng cọc bàn gỗ, thả bi,....
14	24-36T	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...		- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Đóng cọc bàn gỗ. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.	* HĐ chơi tập có chủ định: - HĐVDV: + Xâu vòng màu xanh, đỏ + Xé dải giấy + Tô màu gia đình bé * Hoạt động chơi - TCM: Cái gì trong túi, Đếm quần áo, Xâu vòng tặng em bé

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

15	18-24T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.(ăn cơm, thịt, cá, rau...)		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Giờ ăn: + Trò chuyện về các loại thức ăn, tập ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau (cơm, thịt xào củ quả, trứng thịt...) + Tập cho trẻ 1 số thao tác cơ bản trong ăn uống như không làm rơi vãi, cầm thìa bằng tay phải, tay trái cầm bát...
16	24-36T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	- Tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định... - Trẻ nghe, nói được 1 số từ: Bát, thìa, thịt băm, cơm hạt...
17	18-24T	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc / Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa		* HĐ ăn, ngủ, vệ sinh, cá nhân: - Giờ ngủ :Tập cho trẻ thói quen ngủ đúng giờ, ngủ một giấc

19	18-24T	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.		- Tập 1 số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	*Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: + Tập cho trẻ 1 số thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định + Tập rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
20	24-36T	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.		- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	
21	18-24T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập ngồi vào bàn ăn	- Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Tổ chức giờ ăn cho trẻ. - Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách và sử dụng được các từ: cái ca, cái cốc, cái bát, cái thìa...
22	24-36T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Tập thể hiện/nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	- Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa trong khi ăn. Hỗ trợ trẻ chưa có kĩ năng
23	24-36T	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...) + Không dẫm lên hột hạt, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu

24	18-24T	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm (Dao, kéo, mảnh chai, sắc nhọn...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần (ao, hồ, sông, suối tại địa phương nơi mình đang sinh sống)	thang... *Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giờ đón, trả trẻ: + Không cầm chơi các vật sắc nhọn, không leo trèo nắp bể, giếng... + Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được khóc tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng... + Cho trẻ xem video một số hành động nguy hiểm và trò chuyện với trẻ . . .
25	24-36T	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm (Dao, kéo, mảnh chai, sắc nhọn...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần (ao, hồ, sông, suối tại địa phương nơi mình đang sinh sống)	+ Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi dép và giáo dục trẻ: Không được vứt dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định. - Giáo dục trẻ không tự ý đi ra một mình khỏi lớp, không leo trèo ban công, tường rào, ...
26	18-24T	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	

27	24-36T	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh	
2. Phát triển nhận thức					
28	18-24T	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn...để nhận biết đặc điểm nổi bật của cái cốc, cái nôi, cái chảo	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	- Sờ nắn lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - HĐNB: Nhận biết cái cốc. nhận biết cái nôi, cái chảo. Nhận biết tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình *Hoạt động chơi - Hoạt động chơi: Yêu cầu trẻ tìm vật cô vừa cất giấu - HDG (góc hđvdv: chơi với các khối, hạt hạt...) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
29	24-36T	- Trẻ sờ nắn, nhìn... để nhận biết đặc điểm của cái cốc, cái nôi, cái chảo		- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng-mềm, trơn nhẵn xù xì	
30	18-24T	- Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân. - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên một số bộ phận của cơ thể; mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HĐNB: - Nhận biết cái cốc. - Nhận biết cái nôi, cái chảo. -Nhận biết tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình * HĐ chơi: - Giờ đón, trả trẻ: Trò chuyện tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình
31	24-36 T	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc		- Tên và công việc của những người thân gần gũi gia đình	
34	18-	- Trẻ chỉ hoặc lấy			- HĐVDV:

	24T	được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước (to - nhỏ)		+ Xâu vòng màu xanh, màu đỏ * Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời - Hoạt động góc (góc hđvdv: Xâu vòng màu xanh đỏ, xé dải giấy... - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
35	24-36T	- Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu. - Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.		- Màu đỏ, vàng, xanh - Số lượng (một-nhiều)	

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

36	18-24 T	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: “Đi đến đây”; “đi rửa tay”;....		- Nghe và thực hiện 1 số yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động chơi, hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trò chuyện về đặc điểm của đồ dùng trong gia đình “Cái gì đây?”; “Đồ dùng này cất ở đâu?” và yêu cầu trẻ cất đồ chơi đúng nơi quy định. - Cất đồ dùng đồ chơi sau khi chơi. *Trẻ nói rõ từ: Cái chảo, cái nồi, cái cốc,...
37	24-36 T	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động: (VD: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”)		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	
38	18-24T	- Trẻ hiểu được từ “không”; dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”;....	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích
39	24-36T	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?”; (VD: “Con gà gáy thế nào?”)		- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”;	- Chơi – tập buổi chiều - Nghe các câu hỏi: Chiếc vòng này dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Hột hạt này dùng để làm gì?...

				“Như thế nào?”.- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.	
40	18-24 T	- Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...		- Nghe các câu hỏi: “Ở đâu?”; “Con gì?”; “...thế nào?”; (“Gà gáy thế nào?”); “Cái gì?”; “Làm gì?”. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Cái nôi dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Cái chảo dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Cái cốc dùng để làm gì?
41	24-36T	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ - Chỗi ngoan - Bé ngoan - Bà và cháu - Xem tranh ảnh video và gọi tên các nhân vật - Cho trẻ nghe các bài đồng dao: Trồng nụ trồng hoa, tập tầm vông, chi chi chàng chàng....
42	18-24T	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi... - Trẻ nói được	- Phát âm các âm khác nhau	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”. - Gọi tên	

		câu đơn 2- 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...		các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	
43	24-36T	- Trẻ phát âm rõ tiếng - Trẻ nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	
44	18-24T	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ - Chỗi ngoan - Bé ngoan - Bà và cháu
45	24-36T	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo..		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	
46	18-24T	- Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu muốn uống nước, cháu muốn...)		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ như trò chuyện về đồ dùng, đồ chơi của lớp ,... * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Tập mời cô, mời các bạn - Trong giờ vệ sinh: Tập nói với cô khi có nhu cầu - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “ Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “ Chào các bạn”, “ Con uống nước”, “ Con muốn đi vệ sinh” ...
47	24-36T	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Cái gì đây?”...		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và	

				hiếu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	
48	18- 24 T	- Trẻ biết mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật trong tranh.		- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật trong tranh.	* Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
49	24- 36T	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ					
52	18- 24T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người thân gần		- Giao tiếp với cô và bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Tập giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ. * Hoạt động chơi – tập có

		gửi.			chủ định
53	24-36 T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với những người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh	- Thích trả lời các câu hỏi của cô. * Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Giờ ngủ - Giờ ăn: Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.
58	18-24 T	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở		- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Giờ ăn - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”. * Hoạt động chơi: - HDG: Góc thao tác vai (Bế em, cho em, nấu ăn...) - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bế em, cho em ăn, nấu cơm.
59	24-36T	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.		- Thực hiện 1 số hành vi văn hoá và giao : Chào tạm biệt, cảm tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cầu bạn	
60	18-24T	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé bú mẹ, cho bú mẹ ăn, nghe điện thoại,..)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		* Hoạt động chơi: - HDG: Góc thao tác vai (Bế em, Cho em ăn, ru em ngủ, nấu ăn, ...) - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bế em, cho em ăn, nấu cơm....
61	24-36T	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã			

		hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại,...)			
62	24-36T	- Trẻ biết thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Trong giờ ăn
63	18-24 T	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.		- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ - HĐG: Góc thao tác vai (Bế em, Cho em ăn, ru em ngủ, nấu ăn, ...)
64	24-36 T	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	- Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Trong giờ ăn
65	18-24T	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)		- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: Cháu yêu bà, Đi chơi với búp bê, Cả nhà thương nhau - VĐTĐN: Chiếc khăn tay

				cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	* Hoạt động chơi - TC: Ai đoán đúng, thì xem ai nhanh
66	24-36 T	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc		- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
67	18-24 T	- Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Xem tranh	- Tập cầm bút vẽ	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Hoạt động với đồ vật + Tô màu gia đình bé
68	24-36 T	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.	* Hoạt động chơi: + Chơi ở góc nghệ thuật. + Xem tranh chủ đề + Xếp hình hoa,...

* Tổng số mục tiêu:

- Trẻ 18-24 tháng: 28
- Trẻ 24-26 tháng: 28

* CHUẨN BỊ

- Máy tính, giáo án điện tử, tranh ảnh một số phận cơ thể, tranh thơ “ Chỗ ngon, Bé ngon, Bà và cháu”. Một số đồ dùng đồ chơi trong lớp như tranh ảnh xác xô, hạt vòng, tranh chuyện, thơ, ...

- Lựa chọn một số bài hát, trò chơi, câu truyện...liên quan đến bản thân, ngày hội của cô giáo

- Phối hợp với phụ huynh chuẩn bị sưu tầm tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi về chủ đề bản thân, ngày hội của cô giáo
- Âm nhạc: Đai, băng Cháu yêu bà, Đi chơi với búp bê, Cả nhà thương nhau.
- HDG: Bộ đồ chơi nấu ăn, bán hàng. Các khối gỗ, hàng rào, cây hoa, giấy

BGH PHÊ DUYỆT

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Đinh Thị Hồng Ngoan

Nguyễn Thị Thanh Hiền